TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 649/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc việc hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1/ Bà Bành G H, sinh năm 1998; CCCD số: 079********;

Địa chỉ: Số A đường B phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phan M T, sinh năm 1991; CCCD số: 079********;

Địa chỉ: Số C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Bành G H và ông Phan M T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phan M T có địa chỉ cư trú ở phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 73, do Ủy ban nhân dân Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2020 và trình bày của các đương sự thì bà Bành G H và ông Phan M T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Hai bên đã tìm cách hòa giải các mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết được. Nay, ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Đ M, sinh ngày 27/10/2021. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Phan Đ M, sinh ngày 27/10/2021 cho ông Phan M T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà Bành G H ông Phan M T tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và Gia đình, nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Bành G H tự nguyện chịu; được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0019189 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bành G H và ông Phan M T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Bành G H và ông Phan M T có 01 con chung tên Phan Đ M , sinh ngày 27/10/2021.

Ông Phan M T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Đ M, sinh ngày 27/10/2021.

Bà Bành G H và ông Phan M T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Bành G H và ông Phan M T khai không có.

1.4 Về nợ chung: Bà Bành G H và ông Phan M T khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Bành G H tự nguyện chịu; được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0019189 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4,TPHCM ;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường Hòa Hưng (Phường 12, Quận 10 cũ), TP.HCM;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Đỗ Thanh Hương